

Mường Nhé, ngày 03 tháng 09 năm 2025

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Mầm non Chung Chải công khai hoạt động của nhà trường trong năm học 2025-2026 như sau:

B. Mục 2 CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

I. Điều 6: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

[illegible]

Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3				1		2			
1 Y tế	1				1					
2 Nhân viên Bảo vệ	1						1			
3 Nhân viên Phục vụ										
4 Nhân viên Nấu ăn	1						1			

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên Chưa đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	44				
I	Cán bộ quản lý	2	2			
1	Hiệu trưởng	0	0			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	42	8	28	6	
1	Nhà trẻ	1	0	1		
2	Mẫu giáo	41	8	27	6	
Tổng cộng		42	10	28	6	
Tỷ lệ %			23	64	13	

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, Gv hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	44	44	0
I	Cán bộ quản lý	2	2	0
1	Hiệu trưởng	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0
II	Giáo viên	42	42	0
1	Nhà trẻ	1	1	0
2	Mẫu giáo	41	41	0
Tổng cộng		44	44	0
Tỷ lệ %		100%	100%	0

2. thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng diện tích xây dựng trường: 2,961,68 m²
- Diện tích xây dựng điểm trung tâm: 881,00 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Nậm Pắc: 85,00 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Nậm Khum: 313,50 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Húi To: 141,00 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Húi To 1: 131,43 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Húi To 2: 219,60 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Nậm Sin: 85,50 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Hua Sin: 194,20 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Nậm Vì: 337,69 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Si Ma: 0 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Si Ma 2: 166,86 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Pá Lùng 1,2: 147,20 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Pá Lùng 4: 66,10 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Pá Lùng 5,6: 63,60 m²
- Diện tích xây dựng điểm bản Xà Quế: 129,00 m²
- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 5,1 m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
10,6 m ² /trẻ	12m2/trẻ	Chưa đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định	Đạt

		hành	hiện hành	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Phòng Phó Hiệu trưởng 2	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Văn phòng trường	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
5	Phòng cho nhân viên	Có tủ để đồ cá nhân	Có tủ để đồ cá nhân	Đạt
6	Phòng bảo vệ	đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	Đạt
7	Khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	Đạt
8	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ			
1.1.1	Khu sinh hoạt chung	4,8 m ² /trẻ	1,50 m ² /trẻ	đạt
1.1.2	Khu ngủ	0,56 m ² /trẻ	1,20m ² /trẻ	Chưa đạt
1.1.3	Diện tích sân chơi (m ²)	0,38m ² /trẻ em	0,50 m ²	Chưa đạt
1.1.4	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	0,34 m ² /trẻ	0,40m ² /trẻ	Chưa Đạt

1.1.5	Kho nhóm, lớp	0,19 m ² / trẻ	6m ²	Chưa Đạt
1.1.6	Phòng GDTC, phòng GDNT	0.5 m ² /trẻ	2 m ² /trẻ	Chưa đạt
1.1.7	Sân chơi riêng	6,1 m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2 m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	0,48m ² /trẻ	0,30m ² /trẻ	Đạt
	Kho thực phẩm	46,5 m ² /kho	12m ² /kho	Chưa đạt
IV	Khối phụ trợ			
1	Phòng y tế	32 m ²	10 m ² /phòng	Đạt

Mường Nhé., ngày 3 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Thị Hoa